TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/DS-PT
Ngày 10-6-2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Những

Ông Trần Tấn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Khổng Văn Đa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phạm Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2022/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 147/2022/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp T1, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo quyền cho nguyên đơn: Ông Huỳnh Quốc H, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp 2, xã P2, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phước T2, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp 2/5, xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. NLQ1.

3.2. NLQ2.

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Phước T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 8 năm 2020 của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và cùng những lời trình bày của người đại diện ủy quyền như sau:

Từ ngày 19 tháng 4 năm 2019 đến ngày 14 tháng 6 năm 2019, ông Nguyễn Phước T2 và ông T3 có hùn mua thức ăn cho tôm và thuốc nuôi tôm tổng số tiền 24.890.000 đồng. Ông T2 đứng ra bảo lãnh trả thay cho ông T3 và đã trả được số tiền 6.060.000 đồng, còn nợ lại 18.830.000 đồng.

Từ ngày 19 tháng 02 năm 2020 đến ngày 20 tháng 5 năm 2020, ông T2 mua thức ăn và thuốc kháng sinh, thuốc nuôi tôm của ông T, NLQ2 và đã thanh toán xong. Từ ngày 22 tháng 5 năm 2020 đến ngày 01 tháng 7 năm 2020, ông T2 tiếp tục mua thức ăn và thuốc kháng sinh, thuốc nuôi tôm (gọi tắt mua hàng) của ông T, NLQ2 số tiền 313.060.000 đồng, cụ thể như sau:

Ngày 22 tháng 5 năm 2020, mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000 đồng/1bao = 11.400.000 đồng.

Ngày 23 tháng 5 năm 2020, mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000 đồng/1bao = 11.400.000 đồng.

Ngày 24 tháng 5 năm 2020, mua 05 túi thuốc tím x 90.000 đồng/1túi = 450.000 đồng.

Ngày 24 tháng 5 năm 2020, mua 10 túi lắng tụ x 130.000 đồng/1túi = 1.300.000 đồng.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000 đồng/1bao = 11.400.000 đồng.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000 đồng/1bao = 11.400.000 đồng.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, mua 10 bao thức ăn tăng trọng số N02 x 710.000 đồng/1bao = 7.100.000 đồng.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000 đồng/1bao = 11.400.000 đồng.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, mua 10 bao thức ăn tăng trọng số N02 x 710.000 đồng/1bao = 7.100.000 đồng.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020, mua 10 túi lắng tụ x 130.000 đồng/1túi = 1.300.000 đồng.

Ngày 30 tháng 5 năm 2020, mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000 đồng/1bao = 11.400.000 đồng.

Ngày 01 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000 đồng/1bao = 11.400.000 đồng.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000 đồng/1bao = 11.400.000 đồng.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020, mua 05 túi lắng tụ x 130.000 đồng/1túi = 650.000 đồng.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000 đồng/1bao = 11.400.000 đồng.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, mua 02 túi lắng tụ x 130.000 đồng/1túi = 260.000 đồng.

Ngày 06 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000 đồng/1bao = 11.400.000 đồng.

Ngày 06 tháng 6 năm 2020, mua 08 túi lắng tụ x 130.000 đồng/1túi = 1.040.000 đồng.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000 đồng/1bao = 11.400.000 đồng.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, mua 10 túi lắng tụ x 130.000 đồng/1túi = 1.300.000 đồng.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn tăng trọng số N02 x 710.000 đồng/1bao = 14.200.000 đồng.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, mua 02 bao Kali x 560.000 đồng/1bao = 1.200.000 đồng.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000 đồng/1bao = 11.400.000 đồng.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, mua 05 bao Magie x 220.000 đồng/1bao = 1.100.000 đồng.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn tăng trọng số N02 x 710.000 đồng/1bao = 14.200.000 đồng.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, mua 03 bao Kali x 560.000 đồng/1bao = 1.680.000 đồng.

Ngày 12 tháng 6 năm 2020, mua 05 bao Magie x 220.000 đồng/1bao = 1.100.000 đồng.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, mua 10 bao thức ăn tăng trọng số N02 x 710.000 đồng/1bao = 7.100.000 đồng

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, mua 05 túi lắng tụ x 130.000 đồng/1túi = 650.000 đồng.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, mua 10 bao thức ăn tăng trọng số N03 x 710.000 đồng/1bao = 7.100.000 đồng.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, mua 05 túi lắng tụ x 130.000 đồng/1túi = 650.000 đồng.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, mua 06 bao thức ăn tăng trọng số N03 x 710.000 đồng/1bao = 4.260.000 đồng.

Ngày 16 tháng 6 năm 2020, mua 10 túi khoáng Q.Shell x 280.000 đồng/1túi = 2.800.000 đồng.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn tăng trọng số N03 x 710.000 đồng/1bao = 14.200.000 đồng.

Ngày 19 tháng 6 năm 2020, mua 10 bao thức ăn 115, mỗi bao 20 ký, một bao 710.000 đồng = 7.100.000 đồng.

Ngày 20 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn 115 x 710.000 đồng/1bao = 14.200.000 đồng.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn 115 x 710.000 đồng/1bao = 14.200.000 đồng.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, mua 06 can Ultra Green x 450.000 đồng/1can = 2.700.000 đồng.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, mua 10 túi lắng tụ x 130.000 đồng/1túi = 1.300.000 đồng.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn 115 x 710.000 đồng/1bao = 14.200.000 đồng.

Ngày 27 tháng 6 năm 2020, mua 10 bao thức ăn tăng trọng số N03 x 710.000 đồng/1bao = 7.100.000 đồng.

Ngày 27 tháng 6 năm 2020, mua 05 can Tăng cường miễn dịch x 180.000 đồng/1can = 900.000 đồng.

Ngày 27 tháng 6 năm 2020, mua 05 chai Calphos x 140.000 đồng/1chai = 700.000 đồng.

Ngày 27 tháng 6 năm 2020, mua 05 can Men thúi Superr x 480.000 đồng/1can = 2.400.000 đồng.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, mua 20 bao thức ăn tăng trọng số N03 x 710.000 đồng/1bao = 14.200.000 đồng

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, mua 10 túi khoáng Mineral x 250.000 đồng/1túi = 2.500.000 đồng.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, mua 05 bao Kali x 560.000 đồng/1bao = 2.800.000 đồng.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020, mua 10 túi lắng tụ x 130.000 đồng/1túi = 1.300.000 đồng.

Ngày 23 tháng 6 năm 2020, ông T2 đã trả cho ông T, NLQ2 số tiền mặt là 100.000.000 đồng.

Ngày 27 tháng 6 năm 2020, ông T2 đã trả lại cho ông T, NLQ2: 16 bao thức ăn 115 x một bao 710.000 đồng = 11.360.000 đồng + 21 bao thức ăn tăng trọng N03 x một bao 710.000 đồng = 14.910.000 đồng + 06 túi khoáng Mineral x mỗi túi 226.600 đồng = 1.360.000 đồng + 03 can Ultra Green x một can 450.000 đồng = 1.350.000 đồng + 04 bao Kali x một bao 560.000 đồng = 2.240.000 đồng + 04 bao Magie x một bao 220.000 đồng = 880.000 đồng + 04 can Tăng cường miễn dịch x một can 180.000 đồng = 720.000 đồng + 03 chai Calphos x một chai 140.000 đồng = 420.000 đồng + 10 túi lắng tụ x mỗi túi 130.000 đồng = 1.300.000 đồng + 04 can Men thúi Super x một can 480.000 đồng = 1.920.000 đồng. Tổng số hàng đã trả qui ra tiền là 36.460.000 đồng. Như vậy, ông T2 còn nợ tiền mua hàng của ông T, NLQ2 là 313.060.000 đồng – 100.000.000 đồng – 36.460.000 đồng = 176.600.000 đồng.

Ông T2 còn nợ tiền mua hàng và tiền bảo lãnh là 195.430.000 đồng. Tuy nhiên, đối với số tiền 18.830.000 đồng ông T2 bảo lãnh cho ông T3, ông T rút yêu cầu đối với số tiền này. Ông T khởi kiện yêu cầu ông T2 phải trả cho ông T số tiền mua hàng là 176.600.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Phước T2 có lời trình bày: Ông T2 thừa nhận đã có mua hàng của ông T, NLQ2 để nuôi tôm. Thừa nhận chữ ký của ông T2 và nhân viên của ông T2 trong cuốn sổ ghi nợ số lượng mua hàng nhưng ông T2 đã thanh toán xong, do đợt mua thức ăn sau cùng giữa năm 2020 NLQ2, ông T không có bán thiếu. Do vậy, ông T2 không đồng ý trả số tiền 176.600.000 đồng cho ông T.

Tuy ông T, NLQ2 có bán hàng cho ông để nuôi tôm lần sau cùng dẫn đến tôm bị chết nhưng giữa các bên không có thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm nên ông T2 không có yêu cầu ông T, NLQ2 phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tôm chết do thức ăn, thuốc kháng sinh, tăng trưởng và xử lý ao do ông T, bà Ngân gây ra. Ông T2 chỉ nêu để cho NLQ2, ông T biết.

Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc đã căn cứ vào khoản 3 khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 430, 431, 433, 434, 436 và 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận khởi kiện của ông T đối với phần yêu cầu ông T2 trả số tiền 153.800.000 (Một trăm năm mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng.

Buộc ông T2 phải trả cho ông T số tiền 153.800.000 (Một trăm năm mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng.

Không chấp nhận khởi kiện của ông T đối với yêu cầu ông T2 phải trả số tiền 22.800.000 (Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn) đồng.

Đình chỉ phần ông T yêu cầu ông T2 phải trả số tiền 18.830.000 (Mười tám triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T2 phải chịu là 7.690.000 (Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn) đồng.

Ông T phải chịu là 1.140.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp tại biên lai thu số 0002927 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc. Hoàn trả lại cho ông T số tiền 3.747.750 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các đương sự ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, bị đơn ông T2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn là ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn ủy quyền cho ông H trình bày: Ông T2 có liên lạc qua điện thoại với NLQ2 nói T hợp tôm bị xanh, bà Ngân có giới thiệu cho ông T2 biết về loại thức ăn mới và ông T2 đồng ý mua. Khi nhân viên đại lý giao thức ăn vào ao tôm thì ông T2 ký nhận, hai bên chưa quyết toán thì tôm của ông T2 bị chết. Khi khởi kiện ông T có cung cấp đoạn ghi âm do ông T2 nói thừa nhận còn nợ nhưng do tôm chết nên không trả.

Thức ăn khi đưa ra thị trường bán thì phía Công ty đã tiến hành kiểm nghiệm đạt quy định nên không có việc ông T2 cho rằng tiếp thị dùng thử, đại lý bán thức ăn này cho nhiều người nuôi tôm trên địa bàn nhưng tôm không xảy ra vấn đề gì, nên việc tôm của ông T2 cho rằng vì loại thức ăn mới này dẫn đến tôm chết là chưa có căn cứ.

Ông T2 trình bày: Không đồng ý trả cho ông T số tiền 153.800.000 đồng vì ông không thiếu tiền ông T. Đợt sau cùng do Đại lý của ông T tiếp thị loại thức

ăn mới cho tôm chứ ông không mua, Đại lý tự chở thức ăn vào ao tôm, sau 03 ngày dùng thử thì tôm đã chết nên ông không có nghĩa vụ phải trả số tiền cho đợt thức ăn này. Theo thông thường khi mua thức ăn giao vào ao tôm thì ông ký nhận để sau này không khiếu nại về việc thức ăn giao thiếu, sau mỗi đợt tôm thì hai bên đối chiếu để xác định số nợ, đợt sau cùng ông không có ký xác nhận nợ vì phía Đại lý bán thức ăn không cho nợ tiền.

NLQ2 *trình bày:* Nếu ông T2 có căn cứ cho rằng nguyên nhân tôm chết do ăn loại thức ăn mới của Đại lý thì có quyền kiện Công ty hoặc Đại lý vấn đề này để yêu cầu bồi thường. Khi thức ăn Công ty đưa đến Đại lý để bán chứ không có việc tiếp thị dùng thử, nên ông T2 đã nhận số lượng thức ăn của Đại lý chưa thanh toán thì phải có nghĩa vụ thanh toán tiền.

Các đương sự không có thỏa thuận gì khác.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Bị đơn ông T2 kháng cáo đúng quy định tại các Điều 273, Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về yêu cầu kháng cáo: Ông T2 kháng cáo không đồng ý trả cho ông T số tiền 153.800.000 đồng. Ông T khởi kiện cung cấp chứng cứ sổ ghi số lượng thức ăn đã giao từ ngày 22 tháng 5 năm 2020 đến ngày 01 tháng 7 năm 2020, ông T2 đã ký nhận và thừa nhận chữ ký. Các bên trình bày khi giao hàng ký nhận sau đó đối chiếu và thanh toán. Ông T2 ký nhận số lượng thức ăn trong thời gian từ ngày 22 tháng 5 năm 2020 đến ngày 01 tháng 7 năm 2020 xác định đã trả tiền nhưng ông T không thừa nhận, ông T2 không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả tiền. Ngoài ra ông T cung cấp đoạn ghi âm ông T2 xác định còn nợ nhưng do tôm chết nên không thanh toán. Tuy nhiên, theo bản kê của ông T thể hiện ông T2 nợ tiền mua hàng 176.600.000 đồng nhưng đối chiếu với sổ ghi nợ ông T cung cấp thể hiện ngày 23 tháng 5 năm 2020 mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000đ/bao = 11.400.000 đồng và ngày 28 tháng 5 năm 2020 mua 20 bao thức ăn số 04 x 570.000đ/bao = 11.400.000 đồng; tổng cộng 22.800.000 đồng là không phù hợp nên chỉ chấp nhận số tiền ông T2 nợ ông T là 153.800.000 đồng. Vì vậy, kháng cáo của ông T2 không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn ông T2 kháng cáo hợp lệ nên vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Kháng cáo của ông T2 về toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Căn cứ phạm vi xét xử phúc thẩm quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét nội dung vụ án có liên quan đến kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo của ông T2 thấy rằng:

[3.1] Theo lời trình bày của ông T trong khoảng thời gian từ ngày 22 tháng 5 năm 2020 đến ngày 01 tháng 7 năm 2020, ông T2 có mua hàng của ông T, bà Ngân là thức ăn, thuốc kháng sinh và thuốc nuôi tôm. Ông T có lập sổ mua bán, khi nào ông T2 mua sẽ ký tên vào sổ. Tại sổ mua bán do ông T cung cấp thể hiện thời gian mua hàng, tên hàng, số lượng hàng có chữ ký của ông T2 và nhân viên ông T2. Ông T2 thừa nhận chữ ký trong sổ mua bán do ông T cung cấp là chữ ký của ông T2 và nhân viên ông T2. Căn cứ vào sổ ký nhận ông T khởi kiện yêu cầu ông T2 trả số tiền 176.600.000 đồng sau khi đã trừ tiền ông T2 đã trả là 100.000.000 đồng và tiền trả lại hàng là 36.460.000 đồng (313.060.000 đồng – 100.000.000 đồng – 36.460.000 đồng = 176.600.000 đồng). Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông T2 trả số tiền 153.800.000 đồng và không chấp nhận số tiền 22.800.000 đồng. Ông T2 kháng cáo không đồng ý trả số tiền 153.800.000 đồng vì cho rằng không có nợ.

[3.2] Ông T2 trình bày đã thanh toán xong tiền mua thức ăn và thuốc nuôi tôm nhưng ông T2 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả xong tiền. Ông T2 trình bày đợt mua thức ăn thời gian từ ngày 22 tháng 5 năm 2020 đến ngày 01 tháng 7 năm 2020 ông có ký tên và nhận hàng tại ao ôm, hai bên chưa đối chiếu nợ thì tôm đã chết. Ông T2 trình bày số lượng thức ăn lần này ông không có nhu cầu mua mà do Đại lý tiếp thị loại thức ăn mới dung thửa và Đại lý tự mang thức ăn vào, ông đồng ý cho tôm ăn được 03 ngày thì tôm chết nên ông không có nghĩa vụ thanh toán tiền cho ông T. Tuy nhiên, phía ông T không thừa nhận có việc tiếp thị thức ăn dùng thử, khi thức ăn từ Công ty chuyển về để Đại lý bán chứ không có chương trình dùng thử, phía ông T2 không cung cấp chứng cứ chứng minh có việc giao thức ăn để dùng thử nên ông T2 có nghĩa vụ trả tiền thức ăn cho ông T2 đã nhận từ thời gian ngày 22 tháng 5 năm 2020 đến ngày 01 tháng 7 năm 2020 như án sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ. Vì vậy, kháng cáo của ông T2 không có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ nhận định mục [3], không chấp nhận kháng cáo của ông T2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông T2 phải chịu 300.000 đồng theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Phước T2.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2022/DS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

Căn cứ vào khoản 3 khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 430, 431, 433, 434, 436 và 440 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 24 và Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đối với cầu ông Nguyễn Phước T2 về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản"

Buộc ông Nguyễn Phước T2 phải trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 153.800.000 (Một trăm năm mươi ba triệu tám trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đối với ông Nguyễn Phước T2 về việc yêu cầu trả số tiền 22.800.000 (Hai mươi hai triệu tám trăm nghìn) đồng.

3. Đình chỉ giải quyết đối với ông Nguyễn Minh T yêu cầu ông Nguyễn Phước T2 phải trả số tiền 18.830.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm ba mươi nghìn) đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Phước T2 phải 7.690.000 (Bảy triệu sáu trăm chín mươi nghìn) đồng.

Ông Nguyễn Minh T phải chịu là 1.140.000 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Minh T đã nộp 4.885.750 đồng tại biên lai thu số 0002927 ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Minh T số tiền 3.747.750 đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Phước T2 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Nguyễn Phước T2 đã nộp theo biên lai thu số 0013293 ngày 06 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An (đã nộp xong).

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Cần Giuộc;
- Chi cục THADS huyện Cần Giuộc;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Tuyền